

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2023/DS-ST

Ngày: 15/9/2023

V/v “tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Ninh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chiến;

2. Bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kiều Thị T, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Cầu L, xã Thạch X, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.

- Bị đơn: + Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1981 (vắng mặt);

+ Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1981 (vắng mặt).

NĐKHKT: Thôn S, xã Hữu B, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Số 50 đường 419, thôn Cầu L, xã Thạch X, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn Liễu, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Cầu L, xã Thạch X, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Liễu là bà Kiều Thị T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2023 và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là bà Kiều Thị T trình bày nội dung khởi kiện như sau:

Nhà tôi và nhà anh Th, chị Ch là hàng xóm với nhau. Ngày 01/11/2022, vợ chồng anh Th Ch có mượn vợ chồng tôi số tiền 2.000.000.000đ, để đáo hạn ngân hàng, thời gian mượn là 4 ngày. Hai bên thỏa thuận không có lãi suất.

Sau đó anh Th, chị Ch không vay được ngân hàng nên anh Th, chị Ch không trả được nợ cho tôi. Vợ chồng tôi đã thúc giục nhiều lần nên đến ngày 20/01/2023, anh Th, chị Ch viết giấy Biên nhận đề ngày 20/01/2023 có hẹn vợ chồng tôi cho giãn nợ đến 06/3/2023 sẽ trả hết nợ cho vợ chồng tôi nhưng anh Th, chị Ch không Th hiện.

Việc chị Ch cho rằng tôi cho chị Ch mượn số tiền này có lãi suất là không đúng, đề nghị Tòa án yêu cầu chị Ch cung cấp chứng cứ.

Nay tôi đề nghị Tòa án buộc anh Th, chị Ch phải trả nợ vợ chồng tôi số tiền gốc là 2.000.000.000đ. Tôi không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này từ thời điểm mượn đến khi xét xử. Đề nghị Tòa án buộc anh Th, chị Ch phải chịu tiền lãi chậm trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án: Buộc bị đơn phải trả lại nguyên đơn số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) tiền nợ gốc. Nguyên đơn không yêu cầu lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 27/3/2023 bị đơn là bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Tôi và cô Kiều Thị T là hàng xóm, liền nhà. Hai cô cháu có giúp đỡ nhau trong quá trình làm việc và cho nhau vay mượn. Từ năm 2021 cô T có cho tôi vay mượn từng đợt. Tổng số tiền đến ngày 30/11/2022 là 2 tỷ đồng với lãi suất 1 tỷ là 3%/tháng và 1 tỷ là 4,5%/tháng. Tôi vẫn trả lãi đều từ thời điểm mượn đến ngày 30/11/2022.

Hiện nay, do kinh tế khó khăn và tôi cũng bị mắc nhiều món tiền chưa thu hồi về được nên tôi đã thanh toán chậm cho cô T. Theo phương án: Sẽ trả cô bắt đầu từ tháng 5/2023, trả 2 tháng 1 lần, mỗi lần trả 100.000.000 (Một trăm triệu). Tôi muốn cô tính lại phần lãi suất đã trả bằng lãi suất ngân hàng.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Hữu Th (chồng của bà Ch), trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần niêm yết các văn bản tố tụng, triệu tập phía bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định pháp luật nhưng bà Ch chỉ đến Tòa duy nhất 1 lần viết bản tự khai, phía ông Th vắng mặt không có lý do, không có văn bản, ý kiến phản hồi. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định pháp luật. Cụ thể:

Ngày 14/3/2023, TAND huyện Thạch Thất đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho phía bị đơn qua đường bưu điện nhưng thông báo hoàn lại do bị đơn không có mặt tại Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Ngày 20/3/2023 Tòa án đã gửi

TBTL lần 2 đến ngày 27/3/2023 phía bị đơn là bà Ch đã đến Tòa viết bản tự khai. Tiếp theo là Tòa án đã thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, theo thông tin báo phát thì phía bị đơn đã nhận được nhưng đều vắng mặt.

Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất tiến hành xác minh với Công an xã Hữu Bằng về thông tin nơi cư trú của ông Nguyễn Hữu Th căn cước công dân số 001081038855 cấp ngày 30/11/2021 và bà Nguyễn Thị Ch căn cước công dân số 001181037367 cấp ngày 30/11/2021. Sau khi nêu nội dung yêu cầu, Công an xã Hữu Bằng cho biết: Ông Th, bà Ch có thông tin căn cước như trên đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Sen, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất. Hiện tại ông Th, bà Ch không sinh sống ở thôn Sen, xã Hữu Bằng mà chuyển đến sinh sống tại thôn 7, xã Thạch X, huyện Thạch Thất.

Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất tiến hành xác minh với Công an xã Thạch X về thông tin nơi cư trú của ông Nguyễn Hữu Th căn cước công dân số 001081038855 cấp ngày 30/11/2021 và bà Nguyễn Thị Ch căn cước công dân số 001181037367 cấp ngày 30/11/2021. Sau khi nêu nội dung yêu cầu, Công an xã Thạch X cho biết: Ông Th, bà Ch có thông tin căn cước như trên đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Sen, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất.

Nhiều năm trở lại đây, ông Th, bà Ch sinh sống ở địa chỉ số 50, đường 419, thôn Cầu L, xã Thạch X, huyện Thạch Thất nhưng không đăng ký tạm trú. Thời gian gần đây ông Th, bà Ch không sinh sống tại địa chỉ này nữa. Địa chỉ nơi cư trú mới của ông Th, bà Ch thì Công an xã Thạch X không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Nhận định về tố tụng.

1.1. Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Thạch Thất nên việc thụ lý, giải quyết của Tòa án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Ch và ông Nguyễn Hữu Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt phía bị đơn.

1.3. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho phía bị đơn tại địa chỉ cư trú của bị đơn đã đăng ký, nơi ở hiện tại và được ghi trong hợp đồng theo quy định tại Điều 177, 179 của BLTTDS nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 BLTTDS 2015, phía bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên phía bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại điều luật nêu trên, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

2. Nhận định về nội dung vụ án.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả nợ số tiền vay là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) theo Giấy Biên nhận ngày 20/01/2023.

+ Xét tính pháp lý của Giấy Biên nhận ngày 20/01/2023, HĐXX thấy rằng đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi, nội dung thỏa thuận được lập thành văn bản trên cơ sở tự nguyện, xuất phát từ ý chí của các bên giao kết, mục đích của hợp đồng không vi phạm pháp luật và đạo đức xã hội.

Do vậy, các thỏa thuận khác trong hợp đồng này có đầy đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự 2015 nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

+ Về Th hiện hợp đồng: Th hiện hợp đồng nêu trên phía nguyên đơn đã Th hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình cụ thể:

Theo Giấy vay tiền ngày 01/11/2022, vợ chồng ông Th, bà Ch có vay của vợ chồng ông Liễu, bà T số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), giấy vay tiền này hai bên không thỏa thuận thời hạn vay, lãi suất. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là nhà ở gắn liền với đất mang tên Nguyễn Hữu Th và Nguyễn Thị Ch có địa chỉ tại số 50 đường 419 Cầu L, Thạch X, Thạch Thất, Hà Nội; Giấy biên nhận ngày 20/01/2023, ông Th, bà Ch viết có mượn của Kiều Thị T số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng), thời hạn mượn là 04 tháng tính từ ngày 01/11/2022 đến ngày 06/3/2023, không thỏa thuận lãi suất.

Theo bà T thì Giấy vay tiền ngày 01/11/2022 vợ chồng ông Th, bà Ch vay số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) nhưng chưa trả nên ngày 20/01/2023 mới viết lại Giấy biên nhận vay số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) và hẹn đến

06/3/2023 sẽ trả hết nợ cho vợ chồng bà nhưng cho đến nay phía bị đơn chưa thanh toán.

Theo bị đơn thì bị đơn có vay của nguyên đơn tổng số tiền đến ngày 30/11/2022 là 2 tỷ đồng với lãi suất 1 tỷ là 3%/tháng và 1 tỷ là 4,5%/tháng. Bị đơn đã trả lãi đều từ thời điểm mượn đến ngày 30/11/2022, bị đơn đề nghị tính lại lãi suất đã trả theo lãi suất ngân hàng. Xét lời khai của bị đơn HĐXX thấy rằng: Trong hợp đồng vay tài sản thì không thể hiện lãi suất và bị đơn cũng không xuất trình được chứng cứ để chứng minh đã trả lãi cho nguyên đơn nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu tính lại lãi xuất của bị đơn.

Như vậy, phía nguyên đơn đã Th hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng. Vì vậy, bị đơn cũng phải Th hiện nghĩa vụ thanh toán ghi trong hợp đồng theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận.

Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phía nguyên đơn không yêu cầu lãi suất của khoản tiền vay 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng) cho đến ngày xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu của phía nguyên đơn được HĐXX chấp nhận nên nguyên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Phía bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 72.000.000đ (*Bảy mươi hai triệu đồng*).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất tại phiên tòa về nội dung vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 227, 228, 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị T: Buộc ông Nguyễn Hữu Th và bà Nguyễn Thị Ch phải trả cho bà Kiều Thị T và ông Nguyễn Văn Liễu số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

2. Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án:

Ông Nguyễn Hữu Th và bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 72.000.000.000đ (Bảy mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Kiều Thị T số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0025806 ngày 10/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Ninh